

PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÀNG NGHỀ GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRƯỜNG HỢP HUYỆN GIA BÌNH (BẮC NINH)

Đỗ Anh Tài *
Đỗ Thị Lan**

Bài viết này dựa trên số liệu của một cuộc khảo sát hai làng nghề do Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên thực hiện vào năm 2007. Tại mỗi làng nghề khoảng 60 đối tượng được phỏng vấn, trong đó có 3-4 doanh nghiệp, 7-10 hợp tác xã và số còn lại là các hộ gia đình làm nghề. Đây là hai làng nghề đã có truyền thống rất nhiều năm và hầu hết các hộ trong làng đều có tham gia vào sản xuất nghề truyền thống.

Trong vòng 10 năm trở lại đây, từ các nguồn ngân sách hỗ trợ của Nhà nước kết hợp với cơ chế mở cửa nền kinh tế thị trường, bộ mặt làng nghề thủ công thêm đa khởi sắc. Nhờ sự năng động, thích ứng nhanh nhạy với thị trường, một số ngành nghề thủ công đã tìm ra hướng đi và chỗ đứng cho riêng mình. Theo số liệu gần đây nhất, hiện cả nước có 1450 làng nghề, riêng địa bàn đồng bằng sông Hồng có khoảng 800 làng. Cũng theo ước tính, trong vòng 10 năm qua, làng nghề ở nông thôn có tốc độ tăng trưởng nhanh, trung bình đạt khoảng 8%/năm tính theo giá trị đầu ra.

Đó là những tín hiệu đáng mừng cho nghề thủ công ở Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu thì quá trình phát triển sản xuất làng nghề còn gặp một số khó khăn trở ngại như quy mô nhỏ, sản xuất còn mang tính tự phát, thiếu định hướng và quy hoạch... và đặc biệt đó là nguy cơ làm gia tăng ô nhiễm môi trường từ các làng nghề hiện nay.

Gia Bình là một huyện có nhiều làng nghề thủ công nghiệp trong đó có hai làng nghề truyền thống là làng nghề gò đúc đồng Đại Bái và làng nghề tre trúc xuất khẩu Xuân Lai. Cả hai làng nghề này đều sử dụng trên một nghìn lao động và có giá trị sản

xuất ước đạt hàng trăm tỷ đồng. Tuy nhiên các làng nghề này cũng đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống của chính người dân nơi đây. Chính vì vậy, việc xem xét mối quan hệ giữa việc phát triển kinh tế làng nghề và mặt trái của đối với môi trường là việc làm thiết thực nhằm giúp cho quá trình phát triển bền vững hơn.

1. Thực trạng sản xuất kinh doanh trong các làng nghề truyền thống

a. Hình thức tổ chức sản xuất ngành nghề

Hiện nay, trong các làng nghề truyền thống của huyện tồn tại phổ biến ba hình thức sản xuất kinh doanh là: doanh nghiệp tư nhân (DNTN), hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp (HTX – TTCN) và hộ sản xuất gia đình. Trong đó nhiều nhất là hình thức sản xuất kinh tế hộ gia đình chiếm trên 90% cơ sở. Loại hình hộ gia đình có nhiều ưu điểm như: tận dụng lao động vào sản xuất huy động được vốn nhân rồi trong nhà dân... nhưng có nhiều hạn chế về các mặt quy mô, khả năng đổi mới công nghệ, vốn

* Đỗ Anh Tài, Tiến sĩ kinh tế, Trưởng phòng Đào tạo, Khoa học và Quan hệ quốc tế Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên.

** Đỗ Thị Lan, Phó trưởng khoa Tài Nguyên và Môi trường, Trường đại học Nông Lâm Thái Nguyên

mở rộng sản xuất, tiếp cận thị trường, xử lý môi trường ...

Trong những năm trở lại đây, được sự khuyến khích của Nhà nước cộng với sự cố gắng vươn lên trong sản xuất, các hộ gia đình ở cả hai làng nghề đã tích tụ tập trung hình thành hai hình thức sản xuất mới là: DNTN và HTX – TTCN. Các đơn vị này tuy mới được thành lập nhưng đã tỏ rõ được tính ưu việt của mình, sản xuất không ngừng phát triển, các đơn vị có tư cách pháp nhân nên linh hoạt và hiệu quả trong cả khâu sản xuất và xử lý môi trường. Mặc dù loại hình sản xuất này chỉ chiếm 1 phần nhỏ trong cơ cấu tổ chức sản xuất ngành nghề của 2 làng nghề, nhưng đây là một tín hiệu đáng mừng trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Vì vậy địa phương cần khuyến khích và có những chính sách tốt hơn nữa để loại hình sản xuất này càng phát triển về số lượng và hoạt động có hiệu quả hơn.

b. Hiện trạng lao động trong các cơ sở sản xuất ngành nghề

Bình quân số lao động được sử dụng trong các cơ sở có quy mô lớn thường dao động từ 30 - 40 lao động, còn trong các cơ sở nhỏ như các hộ gia đình bình quân sử dụng từ 2 - 8 lao động. Số lao động thuê ngoài chiếm phần lớn trong tổng số lao động của các cơ sở, nhưng tùy theo quy mô và khả năng của từng cơ sở mà số lao động thuê chủ yếu tập trung trong các DNTN, HTX và hộ sản xuất chuyên nghề.

c. Tình hình về nguyên liệu

Nguyên liệu là yếu tố cấu thành nên sản phẩm, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở. Các yếu tố chất lượng, số lượng, thời gian cung cấp, giá cả nguyên vật liệu đều liên quan trực tiếp tới quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm.

Nguyên vật liệu sử dụng ở làng Đại Bái là một số kim loại như: đồng, nhôm, chì, kẽm,... với các HTX, DNTN và các hộ có quy mô sản xuất lớn thì nguyên liệu được mua từ các nhà máy theo hợp đồng mua vật liệu bán thành phẩm nhưng mức độ đáp ứng không lớn, chỉ đạt khoảng 60 - 70%. Ngoài ra còn

phải mua thêm từ các hộ dịch vụ, thu gom hoặc các nhà buôn. Với các hộ sản xuất khác thì nguyên vật liệu thường được mua tại chỗ thông qua các nhà buôn hoặc các hộ dịch vụ thu gom ở quanh vùng với mức đáp ứng được khoảng 70-80%. Tính bình quân, hàng năm làng nghề Đại Bái sử dụng trên 3000 tấn nguyên vật liệu chính.

Ở làng nghề Xuân Lai, nguyên vật liệu cho sản xuất là những cây có họ hàng với tre như: nứa, trúc, bương, hóp, vồng ... Đặc điểm của những loại cây này là phát triển theo mùa nên các hộ sản xuất phải chủ động về thời gian. Hàng năm, từ tháng 3 đến tháng 8, là mùa cây sinh trưởng và phát triển chưa thể khai thác. Nguyên liệu được nhập về từ tháng 9 trở ra với số lượng lớn, cả làng nghề nhập về hàng chục vạn cây một đợt. Sau đó, chúng được xử lý ngâm tẩm gây ô nhiễm trầm trọng cho môi trường nước.

d. Tình hình trang thiết bị máy móc kỹ thuật

Máy móc thiết bị dùng trong các làng nghề rất đa dạng và phong phú, tuy nhiên mức đầu tư còn chưa đồng đều, mới chỉ tập trung ở những đơn vị có vốn đầu tư lớn. Nhìn chung thiết bị máy móc có chất lượng kém vì đều là hàng mua lại, hàng thanh lý của các cơ sở công nghiệp nên công nghệ lạc hậu, chi phí sửa chữa tốn kém, hiệu quả kinh tế không cao và còn ảnh hưởng tới môi trường.

e. Tiêu thụ sản phẩm

Tiêu thụ sản phẩm là khâu có tính chất quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, chịu tác động mạnh mẽ của các yếu tố chất lượng, mẫu mã, giá cả và chủng loại sản phẩm,... Các sản phẩm của làng nghề được tiêu thụ ở nhiều thị trường khác nhau, Các thị trường trong nước là Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh,... Các sản phẩm được giới thiệu ra thị trường thông qua các cuộc triển lãm trong và ngoài nước, được xuất khẩu thông qua các công ty trung gian ở Hà Nội.

Nhìn chung, việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề chưa thực sự đa

dạng, còn phụ thuộc vào các đối tác và doanh nghiệp xuất khẩu. Các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ ở những thị trường truyền thống quen thuộc, chưa mở rộng ra các thị trường mới. Các cơ sở chưa có sự liên kết, hợp tác với nhau trong tiêu thụ sản phẩm, vẫn còn theo kiểu “mạnh ai ấy làm” nên ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ sản phẩm.

g. Kết quả và hiệu quả sản xuất ngành nghề

Nhìn chung, doanh thu của các DNTN và HTX cao hơn so với các hộ, song hiệu quả sản xuất không có sự khác biệt lớn giữa các loại hình sản xuất này trừ hiệu quả sử dụng lao động.

Hiệu quả sản xuất của các cơ sở sản xuất kinh doanh còn chưa cao một phần do giá nguyên vật liệu đầu vào trong những năm vừa qua tăng cao, đặc biệt là ở Đại Bái,

trong khi đó, sản xuất vẫn mang tính thủ công truyền thống, với công nghệ lạc hậu.

- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu: so sánh giữa hai làng nghề thì làng nghề Xuân Lai có tỷ suất cao hơn do chi phí sản xuất kinh doanh thấp.

- Chỉ tiêu hiệu quả: tỷ suất thu nhập/vốn cố định: Phản ánh năng suất sử dụng vốn của các cơ sở sản xuất, ở chỉ tiêu này Đại Bái thuộc về nhóm hộ sản xuất chuyên nghề với 1,43 lần thấp nhất trong nhóm hộ nông nghiệp kiêm nghề với 1,1 lần. Tại làng nghề Xuân Lai, chỉ tiêu này đạt cao nhất đối với nhóm hộ dịch vụ kiêm nghề với 1,55 lần và thấp nhất đối với nhóm hộ chuyên nghề với 0,88 lần.

- Chỉ tiêu hiệu quả: tỷ suất thu nhập/lao động/năm: Phản ánh năng suất sử dụng lao động trong mỗi cơ sở sản xuất. Đối với cả

Bảng 1. Kết quả và hiệu quả sản xuất bình quân của các cơ sở năm 2006

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kết quả sản xuất			Hiệu quả sản xuất		
	Tổng doanh thu	Tổng chi phí	Thu nhập	Thu nhập/ doanh thu (lần)	Thu nhập/Vốn cố định (lần)	Thu nhập/ lao động
1. Làng nghề Đại Bái						
- Doanh nghiệp tư nhân	2830,66	1537,54	1293,08	0,45	1,49	39,81
- Hợp tác xã - tiểu thủ CN	2750,55	1551,0	1189,55	0,44	1,37	39,32
- Hộ chuyên nghề	359,88	199,45	160,43	0,45	1,43	21,39
- Hộ dịch vụ kiêm nghề	188,65	98,29	90,36	0,92	1,66	14,25
- Hộ nông nghiệp kiêm nghề	193,91	128,46	65,45	0,51	1,14	24,79
2. Làng nghề Xuân Lai						
- Doanh nghiệp tư nhân	3260,50	2050,7	1209,80	0,37	1,13	39,59
- Hợp tác xã - tiểu thủ CN	3172,60	2022,7	1149,90	0,36	1,05	43,64
- Hộ chuyên nghề	246,81	130,50	121,44	0,49	0,88	17,99
- Hộ dịch vụ kiêm nghề	189,89	103,54	85,46	0,45	1,55	24,07
- Hộ nông nghiệp kiêm nghề	161,05	97,34	63,71	0,65	1,06	25,60

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra.

tiêu này, qua bảng tổng hợp ta thấy năng suất lao động của các DNTN và HTX đạt mức cao nhất.

Như vậy, kết quả sản xuất kinh doanh giữa các cơ sở sản xuất có sự chênh lệch. Nó phụ thuộc vào quy mô sản xuất của từng cơ sở và cơ sở nào có điều kiện đầu tư sẽ có kết quả và hiệu quả cao hơn. Về hình thức sản xuất ngành nghề thì đối với các DNTN và HTX do được tổ chức bài bản trong sản xuất nên hiệu quả sản xuất lớn.

2. Tác động môi trường trong các làng nghề

2.1. Thực trạng ô nhiễm môi trường ở các làng nghề khảo sát

Trong những năm qua, các làng nghề truyền thống của huyện đã được khôi phục và phát triển, đóng góp cho xã hội một lượng hàng hoá khá phong phú, giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập cho bà con ở địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, hoạt động sản xuất tại các làng nghề đang gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khoẻ cộng đồng và xuất hiện những xung đột môi trường trong nông thôn.

Hiện nay, ở cả hai làng nghề truyền thống của huyện, toàn bộ số cơ sở sản xuất đều nằm xen kẽ trong các khu dân cư. Vì vậy, hàng ngày quá trình sản xuất ngành nghề có tác động tiêu cực tới môi trường nước, đất, không khí,...

Với làng nghề Đại Bái, do đặc thù sản xuất những sản phẩm là đồng, nhôm nên hàng năm nhu cầu về sử dụng loại nguyên liệu này là rất lớn. Nhưng do sự khan hiếm về nguồn nguyên liệu nên các cơ sở sản xuất phải tận dụng đa dạng các loại phế liệu có chứa đồng, nhôm như các loại vỏ chai, chai nước, non bia, chai thuốc trừ sâu, dây điện, máy tính hỏng,... Những phế liệu này được

thu gom chất thành đồng sau đó được súc rửa, phân loại tại các ao hồ thậm chí ngay tại gia đình. Vì thế, đây là một nguy cơ tiềm ẩn tác động xấu tới sức khoẻ con người và môi trường xung quanh.

Công đoạn nấu, đúc, đồ, dát: Nguyên liệu sau khi đã phân loại được đưa vào các lò nấu. Đây là một công đoạn sản xuất thủ công độc hại và tiêu hao sức lực của người lao động nhiều nhất. Làng nghề Đại Bái trong tổng số 608 hộ tham gia sản xuất nghề thì có tới 40 hộ chuyên nghề cô đúc đồng và cô đúc nhôm cung cấp cho các hộ sản xuất khác trong làng. Các hộ sản xuất này dùng lò thủ công để nấu chảy nguyên liệu (nguyên liệu tạp có chứa nhiều hoá chất) nhưng gần 100% số hộ chưa xây ống khói. Cộng vào đó, hàng năm để cô đúc ra hơn 2000 tấn sản phẩm những hộ này phải sử dụng tới hơn 800 tấn than đốt và 200 tấn ô xít nhôm, đồng để lọc rửa kim loại. Vì thế, đã làm không khí nơi đây ô nhiễm nghiêm trọng, ước tính tải lượng ô nhiễm không khí do đốt than để nấu kim loại từ các lò thủ công lên đến hàng nghìn mét khối khí độc. Dân cư làng nghề và các vùng lân cận đều phải sống chung với khói bụi, hơi nóng và khí độc hại của các hộ gia đình này. Theo nhận xét của người dân thì mức độ ô nhiễm khói bụi nơi đây là rất nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khoẻ của những người xung quanh. Nhất là khi các hộ cô đúc nhôm, đồng nấu chảy nguyên liệu thì chắc hẳn hôm đó họ bị nhức đầu, sổ mũi thậm chí không ăn được cơm. Khi ra đường, nếu người dân không che mặt thì sẽ hứng chịu một lớp bụi dày trên da.

Khâu gia công máy: Đây là công đoạn quan trọng nhất của quy trình sản xuất sản phẩm, tấm dát sau khi đúc được gia công

bằng những loại máy khác nhau. Đối với những hộ gia công thuê đảm nhiệm công đoạn này do điều kiện đất đai chật hẹp, nhà xưởng máy móc được bố trí ngay tại nơi ở của hộ. Hàng ngày, do khối lượng công việc lớn nên trung bình thời gian sản xuất của hộ tới 10h/ngày và sản xuất liên tục các ngày trong năm. Thải phế liệu dầu mỡ và phát ra lượng tiếng ồn lớn, liên tục ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động và nhân dân quanh vùng. Theo lời của những người lao động, người dân nơi đây thì khi làm việc, tiếp xúc với tiếng ồn nhiều liên tục như vậy đã làm suy giảm nghiêm trọng thính giác của họ đặc biệt là bệnh ù tai, đau đầu thậm chí làm việc nhiều còn dẫn đến bệnh điếc tai vĩnh viễn.

Gò thủ công: Công đoạn này tập trung ở những hộ sản xuất hàng dân dụng như xoong, nồi,... sản phẩm cao cấp mỹ nghệ, sản phẩm nhạc khí dân tộc. Đối với công đoạn này người thợ phải thường xuyên làm việc với tiếng ồn lớn và mặt bụi kim loại khi mài bóng sản phẩm. Bên cạnh đó, một điều rất nguy hại là mặc dù người lao động phần lớn không được trang bị bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang...) nhưng lại phải thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc hại như: axit H_2SO_4 dùng để tẩy, rửa, ủ đồng; N_2 và Gôm dùng làm bóng bề mặt đồng; và xút (NaOH) dùng để rửa nhôm... Các sản phẩm sau khi được gò thủ công, tạo hình nhưng để trở thành sản phẩm hoàn thiện phải qua công đoạn tẩy rửa và làm bóng sáng sản phẩm. Vì vậy các hộ sản xuất đã xây các bể nước nhỏ rồi thả hoá chất vào để ngâm rửa sản phẩm ngay tại nơi ở. Lượng nước này sau đó được thải trực tiếp ra hệ thống ao hồ của làng gây lên mức độ ô nhiễm nghiêm trọng tới chất lượng nước mặt và

nguồn nước ngầm nơi đây.

Một hệ quả xảy ra sau đó là gần 100% bề mặt ao hồ trong làng Đại Bái thì kia nuôi được tôm cá thì nay đã bỏ hoang nhường chỗ cho rác và nước thải của xuất nghề.

Đối với làng nghề tre trúc xuất khẩu Xuân Lai do sử dụng nguyên liệu đầu vào các cây trồng như: tre, trúc, vầu,... là nguyên liệu tái sinh nên mức độ ảnh hưởng tới môi trường có phần nhẹ hơn ở Đại Bái. Nhưng mấy năm trở lại đây, do sản xuất phát triển các cơ sở không ngừng mở rộng quy mô sản xuất mà làng nghề Xuân Lai dân số đông, diện tích đất ở hạn chế, xưởng sản xuất lại bố trí tại nơi ở, hệ thống ao đầm trong làng không đáp ứng đủ cầu cho sản xuất đã dẫn đến quá tải phát sinh ô nhiễm môi trường.

Trong quy trình sản xuất ra sản phẩm chính ở làng nghề Xuân Lai thì nguyên nhân sau khi mua về được nghiền mấu, cạo đưa và công đoạn hun, ngâm tẩm hoá chất. Đây là công đoạn gây ô nhiễm môi trường nặng nhất. Việc hun ngâm hàng ngày với lượng lớn hàng chục tấn nguyên liệu/nhà đã tạo ra một lượng khói bụi dày đặc ảnh hưởng tới sức khoẻ của người dân đặc biệt trẻ sơ sinh và người già. Nhưng gây ô nhiễm ở mức độ nặng hơn là việc ngâm, tẩm chất chống mối mọt cho nguyên liệu.

Ở làng nghề Xuân Lai diện tích mặt nước là không nhiều nhưng các ao đầm lại ng chứa một lượng lớn nguyên liệu tre, trúc các loại ước tính hàng nghìn m^3 /năm kéo suốt một thời gian. Điều đó đã tạo ra mùi hôi thối khắp các ngõ ngách trong làng. Thêm vào đó, chất lượng nước mặt và nguồn nước ngầm nơi đây đang xuống cấp nghiêm

trọng với 100% bề mặt nước các ao hồ trong làng đã chuyển về màu đen không một loại thủy sản nào có thể sống sót được. Nhưng nguy hiểm hơn sau khi nguyên liệu được ngâm tại các ao hồ với thời gian 3 tháng được đưa lên bờ cho vào các bể xây thô để ngâm tẩm hoá chất diệt môi mọt, trung bình mỗi hộ có một bể như vậy với dung lượng từ 10-20 m³. Và cứ sau một mẻ xử lý hoá chất như vậy trong khoảng 7 ngày toàn bộ lượng nước có trong bể được xả trực tiếp vào môi trường mà không qua bất cứ một biện pháp xử lý nào.

Theo nhận xét của người dân nơi đây thì vấn đề ô nhiễm môi trường tại Xuân Lai hiện nay là nỗi bức xúc lớn đối với người dân thậm chí cả với nhiều cơ sở sản xuất trong làng. Nhưng họ vẫn chưa có biện pháp để khắc phục.

Như vậy, quá trình sản xuất ở cả hai làng nghề đều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới môi trường xung quanh mà chưa có một biện pháp xử lý hay ngăn chặn nào. Nếu tình hình này không sớm được giải quyết sẽ dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nặng

nề trong tương lai.

2.2. Ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân trong các làng nghề truyền thống của huyện

Môi trường nước, không khí, bị ô nhiễm tại các làng nghề truyền thống của Gia Bình tác động không nhỏ tới sức khỏe của cộng đồng cư dân nơi đây. Các bệnh nghề nghiệp như bệnh về đường hô hấp, đau mắt, suy nhược thần kinh, bệnh ngoài da, đường ruột ngày càng gia tăng. Một số công đoạn sản xuất đặc thù dẫn đến các bệnh mãn tính nguy hiểm như ung thư, quái thai, nhiễm độc kim loại nặng đã làm suy giảm nghiêm trọng sức khỏe của người dân làng nghề.

Tỷ lệ mắc các bệnh về đường hô hấp, da liễu, đường ruột, bệnh về mắt của người dân trong các làng nghề cao hơn nhiều lần so với tỷ lệ bình quân của toàn huyện.

+ Đối với bệnh về đường hô hấp: làng nghề Đại Bái có tỷ lệ người mắc bệnh lên đến 66,35% gấp 2,36 lần so với mức bình quân của huyện. Tỷ lệ này ở làng nghề Xuân Lai là 53,08% và gấp 1,85 lần so với mức trung bình của huyện. Qua điều tra thực tế

Bảng 2. Tình hình sức khỏe của người dân trong các làng nghề năm 2006

Chỉ tiêu	Toàn huyện	Đại Bái	Xuân Lai
I. Nhân khẩu (người)	104.961	6215	3200
II. Tỷ trọng bệnh thường gặp (%)			
1. Bệnh hô hấp	28,65	66,35	53,08
2. Bệnh da liễu	12,31	35,74	46,75
3. Bệnh đường ruột	16,58	30	28,50
4. Bệnh về mắt	28,46	57,99	50,35
5. Bệnh ung thư	9,26	25,73	19,58

Nguồn: Trung tâm Y tế dự phòng huyện Gia Bình và UBND xã Đại Bái, Xuân Lai cung cấp.

thì các bệnh về hô hấp như viêm xoang, viêm phổi trẻ em, viêm phế quản, lao phổi thậm chí cả ung thư phổi...đối với người dân của hai làng nghề là khá phổ biến. ở làng nghề Đại Bái, do đặc thù sản xuất các sản phẩm về đồng, nhôm phải qua công đoạn nấu, đúc, hàn mài thủ công và đánh bóng kim loại nên những người thợ trực tiếp đảm nhận công việc này mắc các bệnh về đường hô hấp là rất cao, lên đến 70%. Đặc biệt là những thợ đứng lò hàng ngày phải trực tiếp tiếp xúc với khói than, khí độc từ những lò đốt phế liệu có nguy cơ mắc các bệnh mãn tính như lao phổi, ung thư phổi. Ở làng nghề Xuân Lai hàng ngày công đoạn hun khói nguyên liệu, và các hoạt động vận tải diễn ra đã thải ra môi trường một lượng khói bụi không nhỏ là nguyên nhân gây bệnh tới người dân.

+ Bệnh da liễu: theo thống kê sơ bộ của Trung tâm Y tế huyện thì toàn thôn Đại Bái phát hiện hơn 35,74% dân số mắc bệnh, cao hơn mức trung bình của huyện tới 2,9 lần, thôn Xuân Lai có 46,50% cao hơn mức trung bình toàn huyện là 3,79%. Qua Bảng 2 ta thấy tỷ lệ mắc bệnh da liễu của người dân làng Xuân Lai cao hơn so với Đại Bái nguyên nhân là do khâu ngâm tẩm, xử lý hoá chất nguyên liệu ở Xuân Lai đã làm ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước ở đây. Qua điều tra thực tế tại đây thì các bệnh da liễu thường gặp là: ghẻ lở, hắc bào, nấm,...

+ Môi trường nước, không khí ô nhiễm là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới các bệnh về đường ruột và mắt đặc biệt là bệnh đau mắt hột. Làng nghề Đại Bái có tỷ lệ người mắc các bệnh về mắt cao gấp 2,04 lần so với mức trung bình của toàn huyện, còn Xuân Lai cao gấp 1,77 lần so với mức bình quân chung toàn huyện.

+ Nguy hiểm hơn là một số khâu sản xuất đặc thù đã làm cho người dân của hai làng nghề có tỷ lệ mắc bệnh ung thư rất cao. ở Đại Bái là 25,73% còn ở Xuân Lai là 19,58% dân số trong làng mắc bệnh. Bệnh ung thư chủ yếu là bệnh lao phổi, do người lao động mắc bệnh về phổi lâu ngày nhưng phần vì công việc mà bệnh ngày càng nặng hơn.

Như vậy, tình hình sức khoẻ của cư dân làng nghề đang suy giảm nghiêm trọng. Người mắc các bệnh nêu trên ngày càng đông và tăng qua các năm. Theo lời của cán bộ Trung tâm Y tế dự phòng huyện khẳng định thì: “rõ ràng môi trường ô nhiễm trầm trọng đã tác động xấu tới sức khoẻ người dân trong các làng nghề, không phải ngẫu nhiên người mắc bệnh đông và ngày càng tăng”.

Khách quan nhận xét thì nguyên nhân chủ yếu dẫn đến ô nhiễm môi trường trong các làng nghề không chỉ là sự thiếu ý thức của người dân, sự không bảo đảm vệ sinh toàn lao động của những hộ sản xuất mà phải kể đến chính quyền địa phương thiếu những biện pháp hữu hiệu trong việc tuyên truyền, vận động người dân có ý thức bảo vệ môi trường, cũng như các cơ quan chức năng không có những biện pháp triệt để trong xử lý những sai phạm của những hộ sản xuất đã vi phạm luật bảo vệ môi trường. Thiết nghĩ nếu tình trạng ô nhiễm môi trường trong các làng nghề không sớm được giải quyết rất có thể đây là những “làng ung thư” trong tương lai.

Như vậy, việc sản xuất ngành nghề truyền thống và phát triển kinh tế tại làng nghề truyền thống Đại Bái và Xuân Lai có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khoẻ người dân và chất lượng môi trường nơi đây. Nói một cách khác, vấn đề kinh tế và vấn đề môi trường luôn luôn có mối liên hệ qua

trong quá trình tồn tại. Vì thế mà trong quá trình phát triển của làng nghề hiện nay phải phối hợp hài hoà hai vấn đề này mới đảm bảo cho phát triển bền vững trong tương lai.

3. Sự quan tâm và nhận thức của người dân tới vấn đề môi trường

Đứng trước thực trạng môi trường đất, nước và không khí trong các làng nghề truyền thống của huyện đang bị ô nhiễm, người dân nơi đây không khỏi bàng hoàng, lo lắng trước tình trạng sức khoẻ ngày càng suy giảm của chính con em và bản thân họ. Nhận thức được vấn đề này, qua phỏng vấn trực tiếp chủ các cơ sở sản xuất về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường hiện nay thì có tới 92,35% chủ các cơ sở thừa nhận và rất quan tâm về vấn đề này, còn lại 7,65% không có ý kiến.

Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, do thu nhập ngày càng ổn định và tăng lên mà người dân đã có ý thức tới việc chăm lo bảo vệ môi trường hơn. Bắt đầu từ chính bản thân một số các cơ sở sản xuất, người lao động đã được trang bị những dụng cụ bảo hộ lao động tối thiểu trong các khâu có lao động độc hại như: thợ đứng lò được trang bị quần

áo chống nóng, găng tay, khẩu trang, những người thợ thường xuyên tiếp xúc với hoá chất đã có khẩu trang và găng tay bảo vệ... Tuy vậy, đây chỉ là những biện pháp tình thế trước thực trạng chưa có một cơ sở sản xuất nào trong các làng nghề có các biện pháp xử lý rác thải, nước thải sản xuất, chúng được đổ xả bừa bãi trên các trục đường và hệ thống kênh mương của làng.

Đối với vấn đề xử lý nước thải, một số cơ sở sản xuất trong các làng nghề đã nghĩ đến việc xử lý chúng trước khi thải ra môi trường. Nếu chỉ có một vài cơ sở xử lý nước thải sau đó lại hoà vào hệ thống thoát nước chung thì không có ý nghĩa lớn. Vì vậy, thiết nghĩ việc này cần phải tiến hành đồng bộ; tất cả các cơ sở sản xuất phải có hệ thống xử lý nước thải chung thì mới đạt hiệu quả cao. Qua phỏng vấn các cơ sở sản xuất về các biện pháp xử lý rác thải, chất thải sản xuất, người dân nơi đây đều mong muốn chính quyền địa phương sớm quy hoạch một bãi chứa rác thải tập trung trong làng. Khi đó người dân sẽ tự tổ chức ra những tổ đội thu gom xử lý rác thải, tình nguyện đóng góp một phần kinh phí trích từ thu nhập sản

Bảng 3. Sự tự nguyện chi trả tài chính cho xử lý môi trường của các cơ sở sản xuất
(% số hộ trả lời có)

Loại cơ sở sản xuất kinh doanh	Quan tâm và sẵn sàng	Không có ý kiến gì	Phản đối
1. Doanh nghiệp tư nhân	75,00	25,00	0,00
2. Hợp tác xã	100,00	0,00	0,00
3. Hộ chuyên	67,52	21,62	7,86
4. Hộ dịch vụ kiêm	82,80	15,22	1,98
5. Hộ nông nghiệp kiêm	48,55	30,05	21,40

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra.

xuất nghề của mình và coi đó như một khoản chi phí cho bảo vệ môi trường của mỗi cơ sở.

Về mức độ tự nguyện đóng góp kinh phí, trích từ thu nhập sản xuất nghề cho bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, qua điều tra phỏng vấn các cơ sở sản xuất tại hai làng nghề Đại Bái và Xuân Lai kết quả thu được như sau:

Phần lớn các cơ sở sản xuất quan tâm và sẵn sàng đóng góp kinh phí để chi trả cho các vấn đề môi trường. Trong đó, đáng mừng là các cơ sở sản xuất với quy mô lớn như DNTN, HTX có tỷ lệ quan tâm đồng ý là rất cao.

Như vậy, người dân nơi đây đã nhận thức được hậu quả ô nhiễm môi trường mà mình gây ra. Họ cũng đã vào cuộc và rất muốn giải quyết vấn đề này một cách nhanh chóng. Vì thế, đây có thể coi là một căn cứ quan trọng trong xây dựng, quy hoạch phát triển và khắc phục ô nhiễm môi trường trong các làng nghề truyền thống của Gia Bình hiện nay.

4. Kết luận

Trong thời kỳ hiện nay, làng nghề ở nước ta đã có nhiều khởi sắc nhất là trong bối cảnh đất nước đang hội nhập mạnh mẽ với nền kinh tế thế giới. Nhưng phát triển làng nghề truyền thống còn mang nặng tính tự phát, gặp nhiều trở ngại, đặc biệt là khâu tiêu thụ sản phẩm, vốn đầu tư nên tốc độ phát triển chậm, giá trị sản lượng còn thấp. Mức độ giải quyết bức xúc về dư thừa lao động ở nông thôn chưa đáng kể, môi trường sản xuất sinh hoạt đang bị ô nhiễm trầm trọng.

Một vấn đề bức xúc đang đặt ra là tình trạng ô nhiễm môi trường ngày một trầm

trọng mà cụ thể là các hoạt động sản xuất ngành nghề đã làm cho chất lượng nguồn nước bị suy giảm do phải hứng chịu nhiều loại chất thải độc hại như kim loại nặng, hoá chất,.. Việc sản xuất liên tục gây ra lượng tiếng ồn lớn và không khí bị ảnh hưởng bởi lượng khói dày đặc... Chính điều này đang tàn phá cảnh quan nơi đây, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khoẻ của người dân làng nghề, khiến nhiều bệnh tật mới xuất hiện. Từ đó, dẫn đến làng nghề chậm phát triển và có nguy cơ đi xuống.

Đây là những vấn đề cấp thiết đòi hỏi Nhà nước và các cơ quan chức năng phải nghiên cứu, xem xét giải quyết một cách kịp thời. Có như vậy mới tạo điều kiện thuận lợi để các làng nghề phát triển một cách bền vững ở hiện tại cũng như trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Thọ (2005), “Những mô hình kinh tế mới lên ở nông thôn, thực trạng diễn biến và triển vọng”, Tạp chí nông thôn mới số 26 tháng 9 năm 2005.
- Đỗ Thị Hào (2002), “Đòi điều suy ngẫm từ những làng nghề thủ công xứ Bắc”, báo cáo hội thảo về ngành nghề nông thôn tháng 10/2002.
- Đỗ Thị Hào (1997), *Làng nghề gò đồng*, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam 1997.
- Nguyễn Đình Phan (2007), “Thực trạng và giải pháp phát triển công nghiệp làng nghề” Tạp chí khoa học & công nghệ Phương Nam 20/06/2007.
- Đỗ Quang Dũng (1999), *Một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển làng nghề trong quá trình CNH – HĐH nông thôn Hà Tây*, Luận án thạc sĩ kinh tế, Hà Nội, 1999.
- “Xung đột giữa phát triển kinh tế và ô nhiễm môi trường”, Tạp chí lao động, 10/5/2005.
- “Thực trạng báo động ô nhiễm môi trường làng nghề đang gia tăng”, báo Đầu tư, thứ Hai 17/2/2006, tr.13.
- Nguyễn Bảo (2005), “Sản xuất gắn với bảo vệ môi trường”, báo Hà Nội mới, ngày 9/4/2005, tr.3.